Vietnam Tariff Intelligence

HS 9818.14 detail

HS code	9818.14
Description	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép:
Unit	
Generated	08/11/2026 19:11:25
Data version	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Verification status	Tariff data checked against the source file; advice/mappings are indicative; FTA eligibility not verified.
Link	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/981814/

2 tariff lines under 9818.14

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9818.14.10	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép: / - - Lò xo lá và các lá lò xo		5%	0%	No data
9818.14.90	Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép: / - - Lò xo cuộn		5%	0%	No data

This report is for reference, generated from the source tariff data and advisory rules. It is not a customs decision and does not confirm HS classification, FTA eligibility or legal validity. Users must verify against current legislation.